

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
Năng lượng Việt Nam**

Báo cáo Tài chính cho năm Tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
kèm theo Báo cáo của Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	8

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi

Số 0103006297 ngày 1 tháng 9 năm 2006

Số 0103006297 ngày 25 tháng 9 năm 2006

Số 0103006297 ngày 19 tháng 4 năm 2007

Số 0103006297 ngày 6 tháng 7 năm 2007

Số 0103006297 ngày 16 tháng 11 năm 2007

Số 0103006297 ngày 1 tháng 12 năm 2008

Số 0103006297 ngày 15 tháng 1 năm 2010

Số 0101601945 ngày 11 tháng 10 năm 2010

Nội dung sửa đổi

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính, bổ sung vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh

Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh

Bổ sung vốn điều lệ

Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh

Bổ sung vốn điều lệ

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính

Thay đổi địa chỉ Công ty, mã số doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56.250.000.000 đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 03B, nhà C9 - Khu tập thể Bộ tư lệnh Công Binh, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực :

- Kinh doanh và sản xuất điện;
- Xây dựng các công trình điện; xây dựng các nhà máy xi măng;
- Khai thác quặng, khoáng sản được nhà nước cho phép lưu hành (trừ xuất khẩu dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô);
- Kinh doanh bất động sản; mua bán chứng khoán (không bao gồm chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu nước ngoài);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và khí đốt hóa lỏng, đại lý xăng dầu, khí đốt hóa lỏng, và các dịch vụ liên quan đến xăng dầu, khí đốt hóa lỏng; đại lý bảo hiểm, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh các sản phẩm, linh kiện điện tử tin học, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đào tạo ngắn hạn và dài hạn (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất, chế biến và buôn bán lương thực, thực phẩm, hàng nông lâm, thủy sản (trừ phân phối lúa gạo, đường mía, đường củ cải);
- Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng trong lĩnh vực xây dựng, hoàn thiện (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đăng ký kinh doanh);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng xe ô tô.

Trong năm 2010, hoạt động chủ yếu của Công ty là tổ chức đào tạo, thi sát hạch và cấp bằng lái xe ô tô theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp ngày 30 tháng 1 năm 2007 và các Giấy phép đào tạo lái xe do Tổng cục đường bộ Việt Nam cấp, và các hoạt động đầu tư tài chính.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo của Ban Giám đốc

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 88 nhân viên (năm 2009: 84 nhân viên).

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, sẵn sàng chấp thuận được chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

4. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch	Ngày 25 tháng 3 năm 2008
Ông Trần Mạnh Hùng	Ủy viên	Ngày 25 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Thành Trung	Ủy viên	Ngày 25 tháng 3 năm 2008
Ông Lê Đức Thọ	Ủy viên	Ngày 25 tháng 3 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Ủy viên	Ngày 25 tháng 3 năm 2008

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Anh	Giám đốc	Ngày 25 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Xuân Quảng	Phó Giám đốc	Ngày 1 tháng 5 năm 2008

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Nguyễn Văn Anh, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

NGUYỄN VĂN ANH

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 10-01-048A

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 4 đến trang 23. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.

PHẠM THẾ HÙNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV

NGUYỄN TIỀN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

HÀ NỘI
Ngày 25 tháng 2 năm 2011

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		28.059.976.816	26.710.364.515
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		316.359.602	980.653.489
1. Tiền	111	3	316.359.602	980.653.489
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.228.520.000	2.955.701.001
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	1.228.520.000	2.955.701.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.542.534.930	11.315.650.879
1. Phải thu khách hàng	131		4.074.651.263	5.809.858.411
2. Trả trước cho người bán	132		151.400.000	1.407.960.977
5. Các khoản phải thu khác	135	5	6.316.483.667	4.097.831.491
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.972.562.284	11.458.359.146
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	12	3.836.404.905	2.072.707.405
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	12.136.157.379	9.385.651.741
B. Tài sản dài hạn	200		103.838.891.412	152.603.276.190
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.469.400.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		3.469.400.000	-
II. Tài sản cố định	220		54.676.930.429	50.734.463.366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	51.781.509.019	13.146.848.846
- Nguyên giá	222		55.104.248.876	14.514.592.448
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.322.739.857)	(1.367.743.602)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	2.895.421.410	2.136.097.662
- Nguyên giá	228		3.129.912.842	2.258.712.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(234.491.432)	(122.615.180)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	-	35.451.516.858
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		40.031.906.429	94.930.975.911
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	40.031.906.429	94.930.975.911
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.660.654.554	6.937.836.913
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.610.654.554	6.874.026.113
3. Tài sản dài hạn khác	268		50.000.000	63.810.800
Tổng cộng tài sản	270		131.898.868.228	179.313.640.705

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
A. Nợ phải trả	300		64.851.132.541	113.811.556.838
I. Nợ ngắn hạn	310		19.523.596.870	34.202.813.040
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.582.708.127	20.916.918.974
2. Phải trả người bán	312		7.894.764.243	242.973.416
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.082.331.816	1.085.445.766
5. Phải trả người lao động	315		78.611.000	171.044.000
6. Chi phí phải trả	316	13	8.301.611.927	9.700.777.927
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	583.569.757	2.085.652.957
II. Nợ dài hạn	330		45.327.535.671	79.608.743.798
3. Phải trả dài hạn khác	333	16	7.259.000.000	40.227.500.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	38.068.535.671	39.381.243.798
B. Vốn chủ sở hữu	400	17	67.047.735.687	65.502.083.867
I. Vốn chủ sở hữu	410		67.047.735.687	65.502.083.867
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.250.000.000	56.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.922.401.000	8.922.401.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		77.282.591	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.798.052.096	329.682.867
Tổng cộng nguồn vốn	440		131.898.868.228	179.313.640.705

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN VĂN ANH
Giám đốc

DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu	01	18	8.403.884.500	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		8.403.884.500	-
4. Giá vốn hàng bán	11	19-20	(3.690.492.422)	-
5. Lợi nhuận gộp	20		4.713.392.078	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.049.214.073	3.787.001.227
7. Chi phí tài chính	22	22	(4.932.569.482)	(496.569.100)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>-</i>	<i>(208.400.000)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	(2.662.864.849)	(1.761.223.865)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		167.171.820	1.529.208.262
11. Thu nhập khác	31	24	8.500.000.000	9.600.000
12. Chi phí khác	32	25	(7.121.520.000)	(1.133.823)
13. Lợi nhuận khác	40		1.378.480.000	8.466.177
14. Lợi nhuận trước thuế	50		1.545.651.820	1.537.674.439
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	12	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		1.545.651.820	1.537.674.439
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	275	273

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN VĂN ANH
Giám đốc

DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.545.651.820	1.537.674.439
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	3.630.793.059	667.678.514
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	1.352.449.189	(3.499.856.244)
Chi phí lãi vay	06	2.340.471.500	5.361.443.900
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(5.362.087.189)	(9.682.777.305)
Thay đổi các khoản phải trả	11	6.785.660.678	(4.905.740.220)
Thay đổi chi phí trả trước	12	-	112.638.864
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.369.637.500)	(2.054.168.400)
Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh	15/16	13.810.799	(161.326.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.937.112.356	(12.624.432.614)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(13.431.408.563)	(35.681.809.453)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.727.181.001	756.480.000
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.000.000)	(4.956.951.500)
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	23.446.500.000	17.609.671.874
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	353.240.293	1.085.495.271
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.045.512.731	(21.187.113.808)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	42.138.743.798
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(20.646.918.974)	(7.856.765.574)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.646.918.974)	34.281.978.224
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(664.293.887)	470.431.802
Tiền tồn đầu năm	60	980.653.489	510.221.687
Tiền tồn cuối năm	70	316.359.602	980.653.489

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN VĂN ANH
Giám đốc

DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi

Số 0103006297 ngày 1 tháng 9 năm 2006

Số 0103006297 ngày 25 tháng 9 năm 2006

Số 0103006297 ngày 19 tháng 4 năm 2007

Số 0103006297 ngày 6 tháng 7 năm 2007

Số 0103006297 ngày 16 tháng 11 năm 2007

Số 0103006297 ngày 1 tháng 12 năm 2008

Số 0103006297 ngày 15 tháng 1 năm 2010

Số 0101601945 ngày 11 tháng 10 năm 2010

Nội dung sửa đổi

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính, bổ sung vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh

Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh

Bổ sung vốn điều lệ

Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh

Bổ sung vốn điều lệ

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính

Thay đổi địa chỉ Công ty, mã số doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56.250.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 03B, nhà C9 - Khu tập thể Bộ tư lệnh Công Binh, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực :

- Kinh doanh và sản xuất điện;
- Xây dựng các công trình điện; xây dựng các nhà máy xi măng;
- Khai thác quặng, khoáng sản được nhà nước cho phép lưu hành (trừ xuất khẩu dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô);
- Kinh doanh bất động sản; mua bán chứng khoán (không bao gồm chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu nước ngoài);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và khí đốt hóa lỏng, đại lý xăng dầu, khí đốt hóa lỏng, và các dịch vụ liên quan đến xăng dầu, khí đốt hóa lỏng; đại lý bảo hiểm, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh các sản phẩm, linh kiện điện tử tin học, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đào tạo ngắn hạn và dài hạn (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất, chế biến và buôn bán lương thực, thực phẩm, hàng nông lâm, thủy sản (trừ phân phối lúa gạo, đường mía, đường củ cải);
- Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng trong lĩnh vực xây dựng, hoàn thiện (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đăng ký kinh doanh);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng xe ô tô.

Trong năm 2010, hoạt động chủ yếu của Công ty là tổ chức đào tạo, thi sát hạch và cấp bằng lái xe ô tô theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp ngày 30 tháng 1 năm 2007 và các Giấy phép đào tạo lái xe do Tổng cục đường bộ Việt Nam cấp, và các hoạt động đầu tư tài chính.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính tiếp theo bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ - CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán ở tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được ghi nhận vào tài khoản chờ phân bổ và được phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động tài chính của các kỳ kinh doanh tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 50
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 9
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	5 - 8

2.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

a) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm quyền sử dụng đất nhận được từ việc thuê đất và chi phí san lấp mặt bằng. Nguyên giá của quyền sử dụng đất có thời hạn là những chi phí liên quan phát sinh và giá trị của lô đất được Chính phủ phê duyệt tại thời điểm mua thuê. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất có thời hạn là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2007.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Trang Web công ty

Nguyên giá của trang Web công ty là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa trang web vào sử dụng. Trang Web được khấu hao trong 5 năm.

c) Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị cơ sở hạ tầng, nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.9. Các khoản đầu tư

a) Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Nguyên giá của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

b) Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phiếu, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công ty khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Tuy nhiên, từ năm 2010 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phiếu mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm:

- (a) Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- (b) Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- (c) Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- (d) Chi phí tài chính của tài sản thuê tài chính.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.11. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

2.12. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực tế góp vốn.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.17. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.18. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.19. Phân loại lại

Một số khoản mục trong báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày của báo cáo tài chính năm nay.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Tiền mặt	207.358.684	57.144.271
Tiền gửi ngân hàng	109.000.918	923.509.218
	316.359.602	980.653.489

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
<i>Cho vay:</i>		
Ông Nguyễn Anh Dũng	1.228.520.000	1.228.520.000
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	-	1.727.181.001
	1.228.520.000	2.955.701.001

5. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Công ty CP Đầu tư Tài nguyên & Năng lượng Lai Châu	2.445.000.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa xuất hóa đơn	1.297.108.227	1.986.760.227
Ngân hàng Phát triển Hoà Bình (VDB) - Chi nhánh Hòa Bình (tiền hỗ trợ lãi suất)	867.179.800	-
Phạm Thế Anh	731.820.740	731.717.780
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Khu du lịch Sinh thái Phan Quốc Vinh	539.921.020	539.921.020
Nguyễn Anh Dũng	220.000.000	-
Trần Ngọc Mạnh	122.852.000	-
Trần Ngọc Mạnh	65.000.000	65.000.000
Phải thu khác	27.601.880	774.432.464
	6.316.483.667	4.097.831.491

6. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Tạm ứng	7.926.157.379	5.175.651.741
Cầm cố ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	4.210.000.000	4.210.000.000
	12.136.157.379	9.385.651.741

(*) Thể hiện khoản ký quỹ tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Hòa Bình để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Công ty nhận được trị giá 39.381.243.798 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	849.671.000	13.144.256.222	520.665.226	14.514.592.448
Tăng trong năm	38.378.231.478	9.275.808.591		57.136.359	47.711.176.428
Trong đó:					
<i>Mua mới</i>	<i>30.000.000</i>	<i>7.239.701.818</i>		<i>57.136.359</i>	<i>7.326.838.177</i>
<i>Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>38.348.231.478</i>	<i>2.036.106.773</i>			<i>40.384.338.251</i>
Giảm trong năm	-	(7.121.520.000)	-	-	(7.121.520.000)
<i>Góp vốn</i>		<i>(7.121.520.000)</i>			<i>(7.121.520.000)</i>
Số dư 31.12.2010	38.378.231.478	3.003.959.591	13.144.256.222	577.801.585	55.104.248.876
Giá trị hao mòn					
Số dư đầu năm	-	-	972.600.527	395.143.075	1.367.743.602
Khấu hao trong năm	-	163.765.066	1.703.032.608	88.198.581	1.954.996.255
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư 31.12.2010		163.765.066	2.675.633.135	483.341.656	3.322.739.857
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	849.671.000	12.171.655.695	125.522.151	13.146.848.846
Số dư 31.12.2010	38.378.231.478	2.840.194.525	10.468.623.087	94.459.929	51.781.509.019

8. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Quyền sử dụng đất	Trang Web công ty	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.198.712.842	50.000.000	10.000.000	2.258.712.842
Tăng trong năm	-	-	871.200.000	871.200.000
Trong đó:				
<i>Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang</i>			<i>871.200.000</i>	<i>871.200.000</i>
Số dư cuối năm	2.198.712.842	50.000.000	881.200.000	3.129.912.842
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	87.948.514	29.166.655	5.500.011	122.615.180
Khấu hao trong năm	43.974.252	9.999.996	57.902.004	111.876.252
Số dư cuối năm	131.922.766	39.166.651	63.402.015	234.491.432
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.110.764.328	20.833.345	4.499.989	2.136.097.662
Số dư cuối năm	2.066.790.076	10.833.349	817.797.985	2.895.421.410

Quyền sử dụng đất thể hiện số tiền bồi thường khu đất tại thửa đất số 590, xóm Bến Cuối, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình để xây dựng Trường nghề Hòa Bình theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T00606 ngày 28/11/2007 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hòa Bình cấp. Khu đất với tổng diện tích là 74.086,1 m² được thuê trong thời gian 50 năm từ ngày 28/11/2007. Đơn giá thuê đất là 3.360 đồng/m². Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời hạn 11 năm bắt đầu từ ngày 28/11/2007.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển trong năm	Số dư cuối năm
Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình:				
Thiết bị sát hạch	445.600.000	533.600.000	(979.200.000)	-
Phần mềm điều khiển xe	871.200.000	-	(871.200.000)	-
Chi phí xây lắp	33.031.881.433	2.179.451.189	(35.211.332.622)	-
Chi phí quản lý và tư vấn dự án	1.014.024.425	750.498.704	(1.764.523.129)	-
Chi phí rà phá bom mìn	88.811.000	-	(88.811.000)	-
Chi phí lãi vay vốn hóa	-	2.340.471.500	(2.340.471.500)	-
	35.451.516.858	5.804.021.393	(41.255.538.251)	-

10. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	Ghi chú	31.12.2010		31.12.2009	
		Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	OTC	-	-	560.000	63.449.069.482
Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc (*)	OTC	1.557.000	22.113.396.999	1.557.000	22.113.396.999
Công ty Cổ phần Solavina	OTC	850.000	8.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	OTC	312.613	3.126.131.763	312.613	3.126.131.763
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	OTC	539.238	5.392.377.667	534.237	5.342.377.667
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	OTC	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Trí tuệ trẻ Việt Nam	OTC	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nhân trí Việt Nam	OTC	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
			40.031.906.429		94.930.975.911

(*) Giá trị khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc đã bao gồm cả phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần Vinavico) là 500.000.000 đồng tương đương 50.000 cổ phần (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

11. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Chi phí trước hoạt động của Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình:				
Chi phí lương	5.283.069.065	-	(1.174.015.348)	4.109.053.717
Chi phí lắp đặt thiết bị phòng học	539.168.040	-	(119.815.120)	419.352.920
Chi phí quản lý	525.391.525	-	(116.753.672)	408.637.853
Chi phí sửa chữa xe ô tô	212.394.900	-	(47.198.867)	165.196.033
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.889.544	-	(34.864.343)	122.025.201
Tiền thuê đất	87.948.514	-	(19.544.114)	68.404.400
Công cụ dụng cụ	-	204.884.000	(31.044.472)	173.839.528
Phí bảo hiểm	-	95.664.993	(5.314.722)	90.350.271
Chi phí trả trước khác	69.164.525	-	(15.369.894)	53.794.631
	6.874.026.113	300.548.993	(1.563.920.552)	5.610.654.554

12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	2.072.707.405	1.763.697.500	-	3.836.404.905
	2.072.707.405	1.763.697.500	-	3.836.404.905
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.082.072.641	-	-	1.082.072.641
Thuế thu nhập cá nhân	3.373.125	19.958.000	(23.071.950)	259.175
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	1.085.445.766	23.958.000	(27.071.950)	1.082.331.816

12.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT theo quy định của pháp luật hiện hành.

12.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo đối với hoạt động trường nghề.

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	2010			2009
	Trường nghề	Công ty	Tổng cộng	
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	2.964.841.642	(1.419.189.822)	1.545.651.820	1.537.674.439
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)				
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	2.964.841.642	(1.419.189.822)	1.545.651.820	1.537.674.439
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-	-	(1.537.674.439)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.964.841.642	-	2.964.841.642	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	741.210.411	-	741.210.411	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	-	1.082.072.641	1.082.072.641	1.082.072.641
Thuế TNDN được miễn/giảm	(741.210.411)	-	(741.210.411)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	-	1.082.072.641	1.082.072.641	1.082.072.641

b) Chuyển lỗ từ các năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty còn khoản lỗ lũy kế là 1.006.050.616 đồng có thể được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Tình hình quyết toán	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31.12.2010	Số lỗ không được chuyển	Số lỗ chưa chuyển tại ngày 31.12.2010
Đến 2006	Chưa quyết toán	1.611.274.568	(1.074.183.044)	(537.091.524)	-
2008	Chưa quyết toán	2.438.843.711	(1.432.793.095)	-	1.006.050.616
		4.050.118.279	(2.506.976.139)	(537.091.524)	1.006.050.616

Số lỗ tính thuế theo tờ khai thuế của Công ty cho năm 2005, 2006 và 2008 chưa được cơ quan thuế quyết toán.

12.3 Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

13. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Chi phí lãi vay ngân hàng	7.206.152.927	8.635.318.927
Lãi chậm góp vốn	1.015.459.000	1.015.459.000
Chi phí khác	80.000.000	50.000.000
	8.301.611.927	9.700.777.927

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Bảo hiểm xã hội	34.221.341	33.391.101
Bảo hiểm y tế	-	2.770.600
Kinh phí công đoàn	6.953.000	36.266.462
Công ty Cổ phần Vinam	123.258.887	1.564.000.000
Nguyễn Triển Hùng	350.000.000	350.000.000
Phải trả phải nộp khác	76.630.148	99.224.794
	583.569.757	2.085.652.957

15. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Vay và nợ ngắn hạn	270.000.000	613.718.974
Vay các tổ chức	230.000.000	330.000.000
Vay cá nhân	40.000.000	283.718.974
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.312.708.127	20.303.200.000
Vay ngân hàng	1.312.708.127	20.303.200.000
Vay và nợ dài hạn	38.068.535.671	39.381.243.798
Vay ngân hàng	38.068.535.671	39.381.243.798
	39.651.243.798	60.298.162.772

Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2010
Vay và nợ ngắn hạn					270.000.000
Công ty TNHH Cavico Xây dựng Hạ Tầng	-	-	-	-	230.000.000
Vay cá nhân	-	-	-	-	40.000.000
Vay dài hạn					39.381.243.798
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Hòa Bình	120	31/3/2019	8,4%	Tài sản	39.381.243.798
					39.651.243.798

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

16. Phải trả dài hạn khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	33.670.000.000
Công ty Cổ phần Vinavico	500.000.000	500.000.000
Trần Đức Thắng	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinam	1.000.000.000	1.000.000.000
Tiền đặt cọc	1.759.000.000	1.057.500.000
	7.259.000.000	40.227.500.000

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 31.12.2008	56.250.000.000	8.922.401.000	-	(1.046.665.410)	64.125.735.590
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.537.674.439	1.537.674.439
Điều chỉnh cho năm trước	-	-	-	(161.326.162)	(161.326.162)
Số dư 31.12.2009	56.250.000.000	8.922.401.000	-	329.682.867	65.502.083.867
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.545.651.820	1.545.651.820
Trích quỹ trong năm	-	-	77.282.591	(77.282.591)	-
Số dư 31.12.2010	56.250.000.000	8.922.401.000	77.282.591	1.798.052.096	67.047.735.687

17.2 Chi tiết vốn cổ phần

Cổ đông	Vốn cổ phần thường	
	31.12.2010	31.12.2009
Cổ đông sáng lập	11.057.440.000	11.057.440.000
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	3.891.940.000	3.891.940.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	2.525.500.000	2.525.500.000
Bùi Quảng Hà	2.799.000.000	2.799.000.000
Nguyễn Văn Anh	1.572.000.000	1.572.000.000
Lê Đức Thọ	269.000.000	269.000.000
Cổ đông khác	45.461.560.000	45.461.560.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	345.000.000	1.303.510.000
Công ty Cổ phần Tài chính Bưu điện	3.505.000.000	5.000.000.000
Cổ đông khác	41.611.560.000	39.158.050.000
	56.250.000.000	56.250.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17.3 Cổ phiếu

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.625.000	5.625.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.625.000	5.625.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>5.625.000</i>	<i>5.625.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.625.000	5.625.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>5.625.000</i>	<i>5.625.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty hiện nay đang được giao dịch trên sàn UPCOM.

18. Doanh thu

Nội dung	2010	2009
Doanh thu từ hoạt động trường nghề	8.403.884.500	-
	8.403.884.500	-

19. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2010	2009
Giá vốn của hoạt động trường nghề	3.690.492.422	-
	3.690.492.422	-

20. Chi phí sản xuất theo yếu tố

Nội dung	2010	2009
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	174.548.950	-
Chi phí quyết toán hợp đồng	79.200.000	-
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.634.046.564	-
Chi phí sửa chữa xe	207.418.700	-
Chi phí trước hoạt động phân bổ	1.527.561.358	-
Chi phí khác	67.716.850	-
	3.690.492.422	-

21. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2010	2009
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	353.240.293	443.259.709
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	229.755.000
Lãi chuyển nhượng vốn của dự án thủy điện Văn Chấn	-	2.159.577.956
Lãi đầu tư chứng khoán	1.848.400.000	541.928.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	847.573.780	412.480.562
	3.049.214.073	3.787.001.227

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

22. Chi phí tài chính

Nội dung	2010	2009
Lỗ đầu tư chứng khoán	4.932.569.482	287.144.983
Chi phí lãi vay các cá nhân	-	208.400.000
Chi phí lãi chậm nộp bảo hiểm	-	1.024.117
	4.932.569.482	496.569.100

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2010	2009
Chi phí nhân viên quản lý	1.688.980.879	558.262.101
Chi phí đồ dùng văn phòng	82.244.270	83.663.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	432.825.943	341.189.925
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	32.961.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.232.529	696.629.332
Chi phí bằng tiền khác	234.581.228	48.517.045
	2.662.864.849	1.761.223.865

24. Thu nhập khác

Nội dung	2010	2009
Thanh lý tài sản cố định - góp vốn	8.500.000.000	-
Thu nhập khác	-	9.600.000
	8.500.000.000	9.600.000

25. Chi phí khác

Nội dung	2010	2009
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	7.121.520.000	-
Chi phí khác	-	1.133.823
	7.121.520.000	1.133.823

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	2010	2009
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	1.545.651.820	1.537.674.439
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	1.545.651.820	1.537.674.439
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	5.625.000	5.625.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	5.625.000	5.625.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	275	273

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

27. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

27.1 Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Cổ đông	Nhận chuyển nhượng cổ phiếu bù trừ công nợ phải thu	4.621.181.030
		Lãi cho vay	103.630.860
		Thu hồi khoản cho vay	500.000.00

27.2 Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			31.12.2010	31.12.2009
Chi phí phải trả				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Cổ đông	Chi phí lãi vay	(7.206.152.927)	(8.635.318.927)

28. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 25 tháng 2 năm 2011.

NGUYỄN VĂN ANH
Giám đốc

DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng